

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Phân cấp, uỷ quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, kiểm tra, kiểm toán nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin, mua sắm tập trung trong các đơn vị thuộc hệ thống Thuế

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002; Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước số 09/2008/QH12 ngày 03/6/2008; Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đấu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 115/2009/QĐ-TTg ngày 28/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2298/QĐ-BTC ngày 06/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phân cấp, uỷ quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, kiểm tra, kiểm toán nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin, mua sắm tập trung trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, dự án vay nợ, viện trợ thuộc Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài vụ Quản trị, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thẩm quyền hướng dẫn cơ chế, chính sách và ban hành chế độ, tiêu chuẩn định mức:

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế:

1.1. Cụ thể hoá cơ chế chính sách, chế độ tiêu chuẩn, định mức, đảm bảo phù hợp với các qui định chung của nhà nước, của Bộ Tài chính đã hướng dẫn trong lĩnh vực tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, kiểm tra, kiểm toán nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin, đấu thầu, mua sắm tập trung cho phù hợp với đặc thù của các đơn vị và thống nhất thực hiện trong toàn hệ thống;

1.2. Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính và quy định định mức chi tiêu nội bộ cho từng giai đoạn để thống nhất thực hiện trong các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế.

1.3. Ban hành định mức trang bị và sử dụng tài sản đặc thù (số lượng, giá trị, thông số kỹ thuật...) đối với các loại tài sản đặc thù do Bộ Tài chính đã quy định danh mục để thống nhất thực hiện trong các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế.

Cục trưởng Cục Công nghệ Thông tin chủ trì xây dựng trình Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế ký ban hành định mức trang bị và sử dụng tài sản đặc thù thuộc lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin.

Vụ trưởng Vụ Tài vụ quản trị chủ trì xây dựng trình Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế ký ban hành đối với các loại tài sản còn lại.

Các văn bản nêu trên phải gửi Bộ Tài chính (Cục Kế hoạch - Tài chính hoặc Cục Tin học và Thống kê tài chính - đối với lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin) để kiểm tra, giám sát và quản lý.

2. Cục trưởng Cục Thuế các tỉnh, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc Tổng cục Thuế:

Cụ thể hoá cơ chế chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức đảm bảo phù hợp với các qui định chung của nhà nước, của Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế đã hướng dẫn trong lĩnh vực tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, ứng dụng công nghệ thông tin, đấu thầu, mua sắm tập trung cho phù hợp với đặc thù của đơn vị, ban hành định mức chi tiêu nội bộ để thống nhất thực hiện trong toàn đơn vị.

3. Chi cục trưởng Chi cục Thuế: Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ để thực hiện thống nhất trong đơn vị đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức do Nhà nước và các đơn vị cấp trên đã ban hành.

Điều 2. Thẩm quyền phê duyệt chiến lược, đề án, dự án, quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, kế hoạch mua sắm tài sản:

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế:

1.1. Phê duyệt chiến lược, đề án, dự án, chương trình hành động tổng thể, dài hạn, trung hạn (05 năm) của Tổng cục Thuế và của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý đảm bảo phù hợp với chiến lược, đề án, dự án, chương trình hành động của Bộ Tài chính đã được Bộ trưởng phê duyệt.

1.2. Phê duyệt kế hoạch (vốn đầu tư và danh mục dự án) đầu tư hàng năm đối với nguồn vốn chi hỗ trợ đầu tư xây dựng của Tổng cục Thuế thực hiện các dự án đầu tư xây dựng có tổng mức đầu tư dưới 5 tỷ đồng và các dự án cải tạo

sửa chữa (trừ các dự án làm tăng quy mô có tổng mức đầu tư từ 5 tỷ đồng trở lên).

1.3. Phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán mua sắm tài sản, hàng hoá, dịch vụ hàng năm của các đơn vị thuộc hệ thống Thuế gồm:

- Máy phát điện; Hệ thống camera giám sát (không gắn với đầu tư xây dựng công trình).

- Các tài sản, hàng hóa, dịch vụ đặc thù do Tổng cục Thuế ban hành tiêu chuẩn định mức, gồm: Thiết bị chống trộm kho ẩn chi; Trang phục.

- Các tài sản, hàng hóa, dịch vụ đặc thù khác do Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế ban hành tiêu chuẩn định mức (nếu có).

1.4. Phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán ứng dụng CNTT hàng năm đối với nội dung mua sắm nhỏ lẻ, thay thế, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị của các đơn vị thuộc hệ thống Thuế gồm: Máy chủ và các trang thiết bị đảm bảo duy trì hạ tầng truyền thông, bảo trì bảo dưỡng trang thiết bị, an toàn dữ liệu, an ninh và bảo mật thông tin do Tổng cục Thuế đã trang cấp

Các văn bản phê duyệt nêu trên phải gửi Bộ Tài chính (Cục Kế hoạch - Tài chính, Cục Tin học và Thống kê tài chính) để kiểm tra, giám sát và quản lý.

1.5. Phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán mua sắm hàng năm đối với tài sản trang bị cho Cơ quan Tổng cục Thuế, Cục Công nghệ thông tin, Trường Nghiệp vụ Thuế, Đại diện Văn phòng Tổng cục Thuế tại thành phố Hồ Chí Minh (trừ các nội dung nêu tại khoản 3 Điều này).

Các văn bản phê duyệt nêu trên phải gửi Tổng cục Thuế (Vụ Tài vụ quản trị) để kiểm tra, giám sát và quản lý.

2. Cục trưởng Cục Thuế:

2.1. Phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán mua sắm tài sản, hàng hoá, dịch vụ hàng năm (không bao gồm kế hoạch, danh mục của dự toán ứng dụng công nghệ thông tin) của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ các nội dung quy định tại điểm 1.3 khoản 1 Điều này và các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Tài chính, gồm: xe ô tô các loại; tàu và ca nô các loại; các tài sản đặc thù chưa được cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức trang bị).

2.2. Phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm đối với nội dung mua sắm nhỏ lẻ, thay thế, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ các nội dung quy định tại điểm 1.4 khoản 1 Điều này)

3. Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc Tổng cục Thuế:

Phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán mua sắm tài sản cố định có giá trị dưới 100 triệu đồng/đơn vị tài sản; Mua sắm các loại công cụ, dụng cụ; Sửa chữa, thay thế, bảo trì, bảo dưỡng tài sản, trang thiết bị.

Các văn bản phê duyệt nêu trên phải gửi Tổng cục Thuế (Vụ Tài vụ quản trị) để kiểm tra, giám sát và quản lý.

Điều 3. Về lĩnh vực quản lý tài chính:

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế:

1.1. Xây dựng báo cáo dự toán ngân sách hàng năm của Tổng cục Thuế báo cáo Bộ Tài chính (Cục Kế hoạch - Tài chính) xem xét, quyết định.

1.2. Phân bổ dự toán ngân sách của Tổng cục Thuế cho các đơn vị dự toán cấp 2 trực thuộc Tổng cục Thuế (Cục Thuế các tỉnh, thành phố) và đơn vị dự toán cấp 3 thuộc Tổng cục Thuế trên cơ sở dự toán được Bộ trưởng Bộ Tài chính giao.

1.3. Quyết định kế hoạch và nội dung sử dụng đối với kinh phí thực hiện nhiệm vụ chung của toàn ngành.

1.4. Giao dự toán, điều chỉnh dự toán cho các đơn vị dự toán cấp 2 trực thuộc Tổng cục Thuế (Cục Thuế các tỉnh, thành phố) và đơn vị dự toán cấp 3 thuộc Tổng cục Thuế.

1.5. Chịu trách nhiệm toàn diện về nhập số liệu phân bổ ngân sách của các đơn vị dự toán cấp 2 trực thuộc Tổng cục Thuế (các Cục Thuế) và các đơn vị dự toán cấp 3 thuộc Tổng cục Thuế vào hệ thống Tabmis theo đúng qui định của Bộ Tài chính, đảm bảo thực hiện quản lý, theo dõi thống nhất các nội dung dự toán trong hệ thống Tabmis theo các nội dung cụ thể như sau:

- a) Vốn đầu tư xây dựng Nhà nước giao (vốn NSTT)
- b) Dự toán chi thường xuyên, giao thực hiện tự chủ
- c) Dự toán chi hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ bản (vốn ngành)
- d) Dự toán chi cải tạo, sửa chữa lớn (vốn ngành)
- đ) Dự toán chi ứng dụng công nghệ thông tin
- e) Dự toán chi mua sắm tài sản
- f) Dự toán chi nghiệp vụ chuyên môn đặc thù.
- g) Dự toán chi đoàn ra
- h) Dự toán chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức
- i) Dự toán chi nghiên cứu các đề tài khoa học
- j) Dự toán chi khác (ngoài các nội dung dự toán trên).

1.6. Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm của đơn vị dự toán cấp 3 thuộc Tổng cục Thuế; Thông báo thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm của các đơn vị dự toán cấp 2 trực thuộc Tổng cục Thuế.

1.7. Tổng hợp, lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm của Tổng cục Thuế để báo cáo Bộ Tài chính (Cục Kế hoạch - Tài chính) xem xét, thẩm định.

Vụ Tài vụ - Quản trị có nhiệm vụ tổng hợp, thẩm định trình Tổng cục trưởng xem xét, phê duyệt, quyết định những nội dung trên (trừ nội dung 1.5). Đối với nội dung 1.5: Vụ Tài vụ Quản trị có trách nhiệm giúp Tổng cục trưởng tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng quy định.

2. Cục trưởng Cục Thuế các tỉnh, thành phố (đơn vị dự toán cấp 2 trực thuộc Tổng cục):

2.1. Xây dựng báo cáo dự toán ngân sách hàng năm của toàn đơn vị báo cáo Tổng cục Thuế (Vụ Tài vụ Quản trị) xem xét, quyết định.

2.2. Phân bổ dự toán ngân sách của Cục Thuế cho các đơn vị dự toán cấp 3 thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở dự toán được Tổng cục trưởng giao.

2.3. Giao dự toán, điều chỉnh dự toán của các đơn vị dự toán cấp 3 thuộc phạm vi quản lý.

2.4. Chịu trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phân bổ dự toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp 3 thuộc phạm vi quản lý cho Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để Kho bạc thực hiện nhập số liệu phân bổ dự toán của đơn vị vào hệ thống Tabmis.

2.5. Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm của các đơn vị dự toán cấp 3 thuộc phạm vi quản lý.

2.6. Tổng hợp, lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm của Cục Thuế để báo cáo Tổng cục Thuế (Vụ Tài vụ Quản trị) xem xét, thẩm định.

3. Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp 3 (đơn vị trực tiếp sử dụng ngân sách): Thực hiện xây dựng dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách theo qui định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản của Bộ Tài chính, của Tổng cục Thuế.

Điều 4. Về lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế:

1.1. Quyết định đầu tư xây dựng và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với các dự án:

a) Xây dựng mới, cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc và các dự án khác thuộc Cục Thuế, cơ quan Tổng cục Thuế, Đại diện Văn phòng Tổng cục Thuế tại thành phố Hồ Chí Minh, Tạp chí Thuế, Trường Nghiệp vụ Thuế có tổng mức đầu tư đến hạn mức nhóm B (trừ các dự án quy định tại tiết a điểm 1.2 khoản 1 Điều này).

b) Xây dựng mới, cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc và các dự án khác thuộc Chi cục Thuế, Đội, Trạm Thuế có tổng mức đầu tư từ 30 tỷ đồng đến hạn mức nhóm B.

1.2. Ủy quyền cho Cục trưởng Cục Thuế quyết định đầu tư xây dựng và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với các dự án:

a) Cải tạo sửa chữa (không làm tăng quy mô) tại cơ quan Cục Thuế có tổng mức đầu tư dưới 5 tỷ đồng theo đúng kế hoạch đầu tư xây dựng hàng năm được Tổng cục Thuế phê duyệt.

b) Xây dựng mới, cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc và các dự án khác thuộc Chi cục Thuế, Đội, Trạm Thuế có tổng mức đầu tư dưới 30 tỷ đồng theo

đúng quy hoạch và kế hoạch đầu tư xây dựng hàng năm được Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế phê duyệt.

1.3. Thẩm định và tổng hợp quyết toán vốn đầu tư xây dựng theo niên độ ngân sách hàng năm của các chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý, báo cáo Bộ Tài chính (qua Cục Kế hoạch - Tài chính) theo quy định.

2. Cục trưởng Cục Thuế:

Được ủy quyền quyết định đầu tư theo quy định tại điểm 1.2 khoản 1 Điều này; trước khi quyết định đầu tư xây dựng phải có văn bản báo cáo và được Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế chấp thuận bằng văn bản về nguồn vốn đầu tư (đối với dự án được ủy quyền) và phương án quy hoạch kiến trúc đối với dự án đầu tư xây dựng, cải tạo mở rộng có tổng mức đầu tư từ 5 tỷ đồng trở lên (trong phạm vi ủy quyền).

3. Chủ đầu tư xây dựng công trình:

3.1. Căn cứ tình hình thực tế quản lý và năng lực quản lý vốn đầu tư xây dựng, cấp quyết định đầu tư được quy định tại điểm 1.1 khoản 1 và khoản 2 Điều này quyết định cụ thể chủ đầu tư (không giao Chủ đầu tư đối với cấp Chỉ cục Thuế).

3.2. Cục Thuế là chủ đầu tư đối với các dự án xây dựng trụ sở làm việc và các dự án khác thuộc Cục Thuế, Chi cục Thuế, Đội, Trạm Thuế.

3.3. Đối với từng dự án cụ thể, chủ đầu tư phải thành lập Ban quản lý dự án hoặc quyết định thuê tư vấn quản lý dự án phù hợp theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng.

3.4. Chủ đầu tư phải báo cáo Tổng cục Thuế (qua Vụ Tài vụ - Quản trị) về quyết toán vốn đầu tư xây dựng theo niên độ ngân sách hàng năm theo quy định.

Điều 5. Về lĩnh vực quản lý tài sản:

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế:

1.1. Quyết định việc mua, nhận chuyển giao quyền sử dụng đất (hoặc trụ sở làm việc) theo chủ trương đã được Bộ trưởng phê duyệt.

1.2. Quyết định thuê và thuê bổ sung trụ sở làm việc của Cơ quan Tổng cục Thuế và các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục Thuế theo đúng quy định của Nhà nước và của Bộ Tài chính về thuê trụ sở làm việc.

1.3. Quyết định thuê tài sản khác phục vụ hoạt động của Cơ quan Tổng cục Thuế và các đơn vị dự toán thuộc Tổng cục Thuế theo đúng quy định của Nhà nước, của Bộ Tài chính về thuê tài sản khác.

1.4. Quyết định và phê duyệt chủ trương thu hồi tài sản (trừ nhà, đất, xe ô tô) của Cơ quan Tổng cục Thuế, của Cơ quan Cục Thuế, của các đơn vị dự toán thuộc Tổng cục Thuế do sử dụng không đúng mục đích, không có nhu cầu sử dụng, vượt tiêu chuẩn, định mức theo quy định của Nhà nước, của Bộ Tài chính và của Tổng cục Thuế. Cụ thể như sau:

- Quyết định thu hồi tài sản (trừ nhà, đất, xe ô tô) của Cơ quan Tổng cục Thuế, của Cơ quan Cục Thuế, của các đơn vị dự toán thuộc Tổng cục Thuế có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm thu hồi dưới 5 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

- Phê duyệt chủ trương thu hồi tài sản (trừ nhà đất, xe ô tô) của Chi cục Thuế theo đề nghị của Cục Thuế có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm thu hồi từ 0,5 tỷ đồng đến dưới 5 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

1.5. Quyết định điều chuyển tài sản là bất động sản (nhà, đất và bao gồm cả quyền sử dụng đất) giữa các đơn vị trong hệ thống Thuế theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp nêu tại điểm 2.7, khoản 2 Điều này.

1.6. Quyết định điều chuyển các tài sản là động sản trong nội bộ hệ thống Thuế (trừ điều chuyển giữa các đơn vị thuộc Cục Thuế)

1.7. Quyết định và phê duyệt chủ trương bán tài sản là động sản (trừ xe ô tô) của các đơn vị trong hệ thống Thuế, cụ thể như sau:

- Quyết định bán tài sản là động sản (trừ xe ô tô) của Cơ quan Tổng cục Thuế và các đơn vị dự toán thuộc Tổng cục Thuế có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm bán dưới 5 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản;

- Phê duyệt chủ trương bán tài sản là động sản (trừ xe ô tô) của Cục Thuế, Chi cục Thuế có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm bán từ 0,5 tỷ đồng đến dưới 5 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

1.8. Quyết định và phê duyệt chủ trương thanh lý tài sản Nhà nước là nhà, công trình xây dựng khác (không bao gồm quyền sử dụng đất) của các đơn vị trong hệ thống Thuế. Cụ thể như sau:

- Quyết định thanh lý tài sản Nhà nước là nhà, công trình xây dựng khác (không bao gồm quyền sử dụng đất) của Cơ quan Tổng cục Thuế và các đơn vị dự toán thuộc Tổng cục Thuế có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm thanh lý dưới 5 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (trừ các trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này).

- Phê duyệt chủ trương thanh lý tài sản Nhà nước là nhà, công trình xây dựng khác (không bao gồm quyền sử dụng đất) của Cục Thuế, Chi cục Thuế có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm thanh lý từ 0,5 tỷ đồng đến dưới 5 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (bao gồm cả nhà, công trình xây dựng khác trên khuôn viên đất mượn của địa phương do không còn nhu cầu sử dụng để trả lại đất cho địa phương), (trừ các trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này).

1.9. Quyết định và phê duyệt chủ trương thanh lý toàn bộ tài sản là động sản bị hư hỏng, hết niên hạn sử dụng hoặc không có nhu cầu sử dụng mà không thể điều chuyển cho đơn vị khác trong nội bộ đơn vị, hệ thống của Cơ quan Tổng cục Thuế và các đơn vị dự toán thuộc Tổng cục Thuế (Ủy quyền cho Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc Tổng cục quyết định thanh lý tài sản là công cụ dụng cụ).

Phê duyệt chủ trương thanh lý toàn bộ tài sản là động sản bị hư hỏng, hết niên hạn sử dụng hoặc không có nhu cầu sử dụng mà không thể điều chuyển cho đơn vị khác trong nội bộ đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Cục Thuế có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm thanh lý từ 0,5 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

1.10. Được Bộ trưởng ủy quyền:

a) Quyết định giao tài sản nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở kết quả xác định giá trị tài sản nhà nước theo quy định.

b) Quyết định việc sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính thuộc phạm vi quản lý để liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật sau khi có sự thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính.

Vụ Tài vụ Quản trị có nhiệm vụ thẩm định các nội dung nêu trên trình Tổng cục trưởng xem xét, quyết định. Đối với các tài sản vượt thẩm quyền xử lý của Tổng cục trưởng, Vụ Tài vụ Quản trị chịu trách nhiệm thẩm định trình Tổng cục Trưởng để báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định.

2. Cục trưởng Cục Thuế:

2.1. Quyết định thuê tài sản (trừ thuê và thuê bổ sung trụ sở làm việc) phục vụ hoạt động của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Cục Thuế theo đúng quy định của Nhà nước và của Bộ Tài chính về thuê tài sản.

2.2. Quyết định thu hồi tài sản (trừ nhà, đất, xe ô tô) của các Chi cục Thuế trực thuộc có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm thu hồi dưới 5 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản do sử dụng không đúng mục đích, không có nhu cầu sử dụng, vượt tiêu chuẩn, định mức theo quy định của Nhà nước, Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế. Đối với các tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm thu hồi từ 0,5 tỷ đồng đến dưới 5 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản Cục Thuế có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và báo cáo Tổng cục Thuế phê duyệt chủ trương trước khi thực hiện.

2.3. Quyết định điều chuyển các tài sản là động sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Cục Thuế; Riêng tài sản là xe ô tô: Cục trưởng Cục Thuế các tỉnh, thành phố được sắp xếp, điều chuyển xe ô tô trong phạm vi đơn vị quản lý, nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhưng phải phù hợp với tiêu chuẩn, định mức của Bộ Tài chính, đồng thời có trách nhiệm báo cáo Tổng cục Thuế việc sắp xếp, điều chuyển để theo dõi, quản lý.

2.4. Quyết định bán tài sản là động sản (trừ xe ô tô các loại) có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm bán dưới 5 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của Cơ quan Cục Thuế và Chi cục Thuế trực thuộc. Đối với các tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm bán từ 0,5 tỷ đồng đến dưới 5 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, Cục Thuế có trách nhiệm báo cáo Tổng cục Thuế phê duyệt chủ trương trước khi thực hiện.

2.5. Quyết định thanh lý tài sản Nhà nước là nhà, công trình xây dựng khác (không bao gồm quyền sử dụng đất) có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm thanh lý dưới 5 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (bao gồm cả nhà, công trình xây dựng khác trên khuôn viên đất mượn của địa phương do không còn nhu cầu sử dụng để trả lại đất cho địa phương). Đối với các tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm thanh lý từ 0,5 tỷ đồng đến dưới 5 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản Cục Thuế có trách nhiệm báo cáo Tổng cục Thuế phê duyệt chủ trương trước khi thực hiện, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

2.6. Quyết định thanh lý toàn bộ tài sản là động sản bị hư hỏng, hết niên hạn sử dụng hoặc không có nhu cầu sử dụng mà không thể điều chuyển cho đơn vị khác trong cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Cục Thuế. Đối với các tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm thanh lý từ 0,5 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản Cục Thuế có trách nhiệm báo cáo Tổng cục Thuế phê duyệt chủ trương trước khi thực hiện báo cáo kết quả thực hiện về Tổng cục Thuế.

2.7. Quyết định điều chuyển tài sản được hình thành sau khi dự án đầu tư xây dựng do Cục Thuế là chủ đầu tư cho đơn vị được giao quản lý, sử dụng trong phạm vi Cục Thuế quản lý.

3. Chủ đầu tư quyết định thanh lý, phá dỡ nhà cửa, vật kiến trúc trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng được cấp thẩm quyền phê duyệt.

4. Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc Tổng cục Thuế quyết định thanh lý nhà cửa, vật kiến trúc theo quy hoạch của cấp có thẩm quyền hoặc bị hư hỏng do thiên tai gây ra.

Điều 6. Về lĩnh vực kiểm tra, kiểm toán nội bộ:

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế:

1.1. Phê duyệt kế hoạch chi tiết kiểm tra, kiểm toán nội bộ hàng năm đối với các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế theo kế hoạch đã được Bộ trưởng phê duyệt.

1.2. Phê duyệt kiểm tra, kiểm toán nội bộ đột xuất đối với các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế.

1.3. Ban hành thông báo kết quả kiểm tra, kiểm toán nội bộ đối với các đơn vị được kiểm tra, kiểm toán nội bộ do Tổng cục Thuế tổ chức thực hiện.

1.4. Giải quyết khiếu nại đối với các kết luận, kiến nghị kiểm tra, kiểm toán nội bộ do đơn vị cấp dưới trực tiếp ban hành (nếu có).

2. Cục trưởng Cục Thuế:

2.1. Phê duyệt kế hoạch kiểm tra, kiểm toán nội bộ đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2.2. Ban hành thông báo kết quả kiểm tra, kiểm toán nội bộ đối với các đơn vị được kiểm tra, kiểm toán nội bộ do Cục Thuế tổ chức thực hiện.

3. Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp 3 trực tiếp quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước: Thực hiện công tác tự kiểm tra nội bộ tại đơn vị theo qui định.

Điều 7. Về lĩnh vực quản lý ứng dụng công nghệ thông tin:

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế:

1.1. Thực hiện ủy quyền của Bộ trưởng quyết định đầu tư đối với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin nhóm B, nhóm C trong phạm vi Tổng cục Thuế (các dự án đã có trong kế hoạch 5 năm ứng dụng công nghệ thông tin của Tổng cục Thuế được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt và các dự án đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt chủ trương đầu tư).

1.2. Phê duyệt (hoặc ủy quyền) cho đơn vị trực thuộc hoặc đơn vị sử dụng ngân sách phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết cho các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong phạm vi Tổng cục Thuế.

1.3. Phê duyệt quyết toán hoàn thành đối với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin nhóm B, nhóm C trong phạm vi Tổng cục Thuế. Vụ Tài vụ Quản trị chủ trì thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành, trình Tổng cục xem xét quyết định.

2. Chủ đầu tư dự án công nghệ thông tin:

Cục Công nghệ thông tin - Tổng cục Thuế là chủ đầu tư đối với dự án ứng dụng công nghệ thông tin do Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế quyết định đầu tư theo ủy quyền.

Trường hợp Cục Công nghệ Thông tin không đủ điều kiện về tổ chức, nhân lực hoặc do mục tiêu, yêu cầu, tính chất của dự án và các điều kiện cần thiết khác thì Tổng cục trưởng lựa chọn đơn vị khác thuộc Tổng cục Thuế làm chủ đầu tư. Chủ đầu tư dự án không được đồng thời là đơn vị đầu mối được giao nhiệm vụ thẩm định dự án. Trường hợp không xác định được chủ đầu tư thì Tổng cục trưởng có thể uỷ thác cho đơn vị, tổ chức khác không thuộc Tổng cục Thuế có đủ điều kiện làm chủ đầu tư.

3. Cục trưởng Cục Thuế:

Phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết cho các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin được Tổng cục trưởng ủy quyền.

Điều 8. Về thực hiện mua sắm tập trung:

1. Đối tượng, điều kiện mua sắm tập trung:

1.1. Đối tượng:

- a) Xe ô tô các loại.
- b) Hàng hoá, dịch vụ công nghệ thông tin.
- c) Máy phát điện (không gắn với dự án đầu tư xây dựng công trình)
- d) Trang phục.
- đ) In, mua: Ấn chỉ, sách, tài liệu phục vụ tuyên truyền, lịch.

e) Trang thiết bị văn phòng (máy photocopy, máy điều hoà nhiệt độ, máy fax, điện thoại, bàn, ghế, tủ).

f) Bảo hiểm cháy nổ tài sản.

1.2. Việc mua sắm tập trung các tài sản, hàng hoá, dịch vụ nêu trên phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Mua sắm, trang bị đồng bộ, sử dụng chung trong toàn Tổng cục.

b) Mua sắm, trang bị đồng bộ cho nhiều đơn vị với tổng giá trị mua sắm lớn và đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả hơn so với việc giao cho từng đơn vị thực hiện mua sắm riêng.

2. Đơn vị thực hiện mua sắm tập trung

2.1. Mua sắm tập trung tại Tổng cục Thuế:

Mua sắm tập trung tại Tổng cục đối với các tài sản, hàng hóa, dịch vụ mua sắm, trang bị cho các đơn vị trong phạm vi Tổng cục, gồm:

a) Xe ô tô các loại.

b) Trang phục.

c) In, mua ấn chỉ thuế gồm: Các loại biên lai, chứng từ, tem chống giả dùng cho công tác thu thuế, thu lệ phí trước bạ, tiền phạt; tem thuốc lá sản xuất trong nước; tem rượu sản xuất tiêu thụ trong nước và các loại ấn chỉ cần bảo mật, chống giả khác theo thông báo của Tổng cục Thuế.

d) Sách nghiệp vụ, tài liệu phục vụ tuyên truyền theo chương trình chung của Tổng cục, lịch.

d) Hàng hoá, dịch vụ công nghệ thông tin gồm:

- Máy chủ, máy trạm, máy in, lưu điện, thiết bị mạng (có dây và không dây), thiết bị lưu trữ, sao lưu, an toàn bảo mật, thiết bị theo dõi giám sát, thiết bị an toàn phòng máy chủ (điện, làm mát, giám sát môi trường, phòng cháy chữa cháy), điện thoại số, hệ thống hội nghị truyền hình, thiết bị quét tài liệu tốc độ cao.

- Thuê bao hạ tầng truyền thông, đường truyền Internet (trừ thuê bao hạ tầng truyền thông do Bộ Tài chính (Cục Tin học và Thống kê tài chính) thực hiện).

- Phần mềm có bản quyền trong phạm vi Tổng cục Thuế (trừ các phần mềm có bản quyền do Cục Tin học và Thống kê tài chính Bộ Tài chính mua tập trung).

- Phần mềm nghiệp vụ ứng dụng trong phạm vi Tổng cục Thuế.

- Dịch vụ tư vấn, thiết kế, triển khai, hỗ trợ, vận hành, đào tạo hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin. Dịch vụ bảo hành, bảo trì an toàn phòng máy chủ

2.2. Thực hiện mua sắm tập trung tại Cục Thuế:

Mua sắm tập trung tại Cục Thuế đối với các tài sản, hàng hóa, dịch vụ mua sắm, trang bị cho các đơn vị trong phạm vi của Cục Thuế, gồm:

- a) Máy phát điện các loại (không nằm trong dự án đầu tư xây dựng).
- b) In, mua: Hoá đơn, các loại ấn chỉ thuế (trừ các loại ấn chỉ in mua tập trung tại Tổng cục Thuế)
- c) Trang thiết bị văn phòng gồm: Máy photocopy, máy điều hoà nhiệt độ, máy fax, điện thoại, bàn, ghế, tủ (trừ các trường hợp mua sắm bổ sung, thay thế nhỏ lẻ thiết bị văn phòng hỏng, cần trang bị ngay để phục vụ kịp thời cho nhiệm vụ chuyên môn không đáp ứng điều kiện mua sắm tập trung quy định tại khoản 1.2 điểm 1 Điều này).
- d) Bảo hiểm cháy nổ tài sản thuộc phạm vi quản lý.
- đ) Tài liệu phục vụ công tác tuyên truyền của Cục Thuế, Chi cục Thuế.
- e) Hàng hoá, dịch vụ công nghệ thông tin gồm: (trừ trường hợp mua sắm bổ sung, thay thế nhỏ lẻ không đáp ứng điều kiện mua sắm tập trung quy định tại khoản 1.2 điểm 1, Điều này)
 - Thiết bị đọc mã vạch hai chiều, USB, ổ cứng, ổ đĩa quang từ, máy quét tài liệu, tiếp địa và chống sét lan truyền
 - Thiết bị, vật tư mạng (tủ mạng, dây mạng, đầu mạng RJ45, Wallplate, Patch panel,...)
 - Thiết bị để thi công, sửa chữa thiết bị, mạng nội bộ (kim bấm mạng, đồng hồ đo mạng)
 - Dịch vụ thiết kế mạng, chống sét; thi công mạng, tiếp địa, chống sét; di chuyển phòng máy chủ.
 - Thuê bao kết nối Internet, thuê đường truyền kết nối giữa các toà nhà trong một cơ quan thuế.
 - Dịch vụ thuê nguồn lực nhập dữ liệu
 - Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tin học; dịch vụ hỗ trợ bảo dưỡng, bảo trì hệ thống. Dịch vụ hỗ trợ, vận hành hệ thống, ứng dụng do Cục Thuế tự phát triển.
 - Dịch vụ rà soát, chuẩn hoá hệ thống mạng máy tính; chuẩn hoá các ứng dụng và dữ liệu của Cục Thuế.
 - Dịch vụ đào tạo, chuyển giao công nghệ hệ thống, ứng dụng ngành Thuế.
 - Dịch vụ phát triển hoặc nâng cấp phần mềm nhỏ, đơn lẻ, không thuộc kế hoạch phát triển ứng dụng chung của Tổng cục Thuế.

3. Việc mua sắm tập trung thực hiện theo Quy chế mua sắm tập trung tài sản, hàng hoá, dịch vụ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

Điều 9. Tổ chức thực hiện:

1. Vụ Tài vụ Quản trị có trách nhiệm:

1.1 Phối hợp với Vụ Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế để công khai trong toàn ngành việc thực hiện phân cấp, ủy quyền trong các lĩnh vực quản lý tại quyết định này trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

1.2 Tham mưu cho Tổng cục trưởng hướng dẫn, xử lý các công việc chuyển giao có liên quan đến các lĩnh vực quản lý (trừ lĩnh vực quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin) khi thực hiện phân cấp, ủy quyền tại quyết định này, không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ được giao.

1.3 Chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện phân cấp, ủy quyền tại quyết định này theo đúng quy định của Nhà nước và của Bộ Tài chính.

1.4 Phối hợp với Cục công nghệ thông tin tổ chức thực hiện các nội dung được phân cấp, ủy quyền tại quyết định này theo đúng quy định của Nhà nước và của Bộ Tài chính.

1.5 Tổng hợp ý kiến đề xuất của các đơn vị trong hệ thống Thuế, nghiên cứu, báo cáo Tổng cục trưởng xem xét, điều chỉnh, bổ sung quy định về phân cấp, ủy quyền trong các lĩnh vực quản lý cho phù hợp.

2. Cục Công nghệ Thông tin có trách nhiệm:

2.1 Tham mưu cho Tổng cục trưởng hướng dẫn, xử lý các công việc chuyển giao có liên quan đến lĩnh vực quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin khi thực hiện phân cấp, ủy quyền tại quyết định này đảm bảo liên tục, không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ được giao.

2.2. Phối hợp với Vụ Tài vụ quản trị tổ chức thực hiện các nội dung được phân cấp, ủy quyền tại quyết định này theo đúng quy định của Nhà nước và của Bộ Tài chính.

2.3 Phối hợp thực hiện kiểm tra việc chấp hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin quy định tại Quyết định này của các đơn vị trong hệ thống Thuế.

3. Thủ trưởng các đơn vị được phân cấp, ủy quyền tại Quyết định này:

3.1. Chịu trách nhiệm toàn diện trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo phân cấp, ủy quyền tại Quyết định này.

3.2. Chịu trách nhiệm cá nhân trước Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về việc khiếu nại, khiếu kiện, tố cáo, mất đoàn kết trong việc thực hiện các lĩnh vực quản lý của đơn vị.

3.3. Nghiêm túc chấp hành chế độ báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế.

4. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm:

4.1 Nghiên cứu, đề xuất phương án báo cáo Tổng cục trưởng về củng cố bộ máy và chất lượng cán bộ, công chức tại các đơn vị trong nội bộ ngành để thực hiện tốt quy định tại Quyết định này.

4.2. Phối hợp thực hiện kiểm tra việc chấp hành quy định phân cấp, ủy quyền quy định tại Quyết định này của các đơn vị trong ngành Thuế.

Điều 10. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2014, thay thế Quyết định 408/QĐ-TCT ngày 9/4/2012 của Tổng cục Trưởng Tổng cục Thuế về việc phân cấp, ủy quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, kiểm tra, kiểm toán nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin, đấu thầu, mua sắm tập trung trong các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế; Quyết định 865/QĐ-TCT ngày 22/5/2013 về việc sửa đổi bổ sung Quyết định 408/QĐ-TCT ngày 9/4/2012 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế; thay thế Quyết định 1609/QĐ-TCT ngày 16/10/2012 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về việc điều chỉnh phân cấp, ủy quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, kiểm tra, kiểm toán nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin, đấu thầu, mua sắm tập trung trong các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế.

Điều 11. Vụ trưởng Vụ Tài vụ Quản trị, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Chánh Văn phòng Tổng cục Thuế và Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc hệ thống Thuế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Tổng cục Thuế (qua Vụ Tài vụ Quản trị) để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp/.

Nơi nhận: *lân*

- Như điều 11;
- Cục KHTC-BTC(đề b/c)
- Lãnh đạo TCT ;
- Các Vụ, đơn vị thuộc TCT
- Lưu: VT, TVQT(3b).



Bùi Văn Nam